

Số: 1272/2022/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 796/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường T, Phường P, quận G, Tp. H

- Bà Đặng Hồng N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường T, Phường P, quận G, Tp. H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Đặng Hồng N và ông Trần Ngọc D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2003 Quyển số 01 ngày 25/3/2003 của Ủy ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố H.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 13/5/2022 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/8/2022, bà N và ông D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, về con chung có 03 con chung tên Trần Ngọc Khả D, sinh ngày 25/4/2003 – hiện nay đã trưởng thành, trẻ Trần Ngọc Cát M, sinh ngày 05/11/2004 và trẻ Trần Đặng Bảo N, sinh ngày 08/7/2013; bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Ngọc Cát M và trẻ Trần Đặng Bảo N, bà N không

yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông D và bà N thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trần Ngọc D và bà Đặng Hồng N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2003 Quyền số 01 ngày 25/3/2003 của Ủy ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố H cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: có 03 con chung tên Trần Ngọc Khả D, sinh ngày 25/4/2003 – hiện nay đã trưởng thành, trẻ Trần Ngọc Cát M, sinh ngày 05/11/2004 và trẻ Trần Đặng Bảo N, sinh ngày 08/7/2013; Giao cho bà Đặng Hồng N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trẻ Trần Ngọc Cát M và trẻ Trần Đặng Bảo N đến tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông D đến khi bà N có yêu cầu.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Ngọc D và bà Đặng Hồng N phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng trừ số tiền các đương sự đã tạm nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0048468 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương